

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2020/DS-ST

Ngày 27 tháng 10 năm 2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh T.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Môn
2. Ông Nguyễn Văn Tư.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 27/10/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 140/2020/TLST-DS ngày 20/7/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2020/QĐXXST – DS ngày 15/9/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2020/QĐST-DS ngày 09/10/2020, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Quỳnh H, sinh năm 1961 (Có mặt).

Địa chỉ: B3-9, chợ T, phường X, thành phố B, tỉnh B

* *Bị đơn:* Bà Vũ Thị Tú L, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

HKTT: Số nhà 05, ngõ 05, đôi A Xít, tổ 1, phường T, thành phố B, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Quỳnh H trình bày:

Bà và bà Vũ Thị Tú L có mối quan hệ quen biết từ lâu, do cần tiền làm ăn nên bà Loan có hỏi vay bà tài sản, cụ thể vay 04 lần như sau:

- Ngày 01/10/2009 bà Loan vay 7.500.000 USD (đô la Mỹ).

- Ngày 20/10/2009 bà Loan vay 20.000.000 đồng.
- Ngày 01/12/2009 bà Loan vay 08 chỉ vàng 9999.
- Ngày 30/6/2010 bà Loan sang vay 10.000.000 đồng.

Việc cho vay này bà không tính lãi, các lần vay bà Loan đều là người viết giấy vay cho bà. Trong hai giấy biên nhận ngày 20/10/2009 và ngày 01/10/2009 bà Loan đóng dấu Công ty TNHH một thành viên Thịnh Phát, nhưng thực chất trong giấy vay viết tên người vay là Vũ Thị Tú L và bà xác định bà Loan vay bà với tư cách cá nhân, không liên quan gì đến Công ty TNHH một thành viên Thịnh Phát và không liên quan đến người thứ ba nào khác.

Do bà yêu cầu nhiều lần nhưng bà Loan không trả nên bà yêu cầu Tòa án buộc bà Loan phải trả cho bà tổng số tiền và tài sản đã vay, không yêu cầu lãi. Đối với số đôla Mỹ và số vàng 9999 bà yêu cầu tính ra bằng tiền Việt Nam tại thời điểm giải quyết vụ án.

** Bị đơn trong giai đoạn Tòa án chuẩn bị xét xử vụ án không đến Tòa án làm việc theo triệu tập của Tòa án và có quan điểm, ý kiến gì đối với nội dung vụ án*

Tại phiên tòa:

Bà Hoa đề nghị Tòa án tuyên bố giao dịch cho vay 7.500 USD giữa bà Hoa và bà Loan ngày 01/10/2020 là vô hiệu; buộc bà Loan phải có nghĩa vụ trả cho bà tổng số tiền 246.280.000 đồng, cụ thể như sau:

- Trả 7.500.000 USD, tính theo giá tại thời điểm xét xử là 23.290.000 đồng/01 USD, thành tiền Việt Nam là 7500USD x 23.120.000 Việt Nam đồng = 173.400.000 Việt Nam đồng theo Giấy biên nhận ngày 01/10/2009.

- Trả 08 chỉ vàng 9999, tính theo giá tại thời điểm xét xử là 5.360.000 đồng/01 chỉ, tính thành tiền Việt Nam là 08 chỉ x 5.360.000 đồng = 42.880.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 01/12/2009.

- Trả số tiền vay 20.000.000 đồng theo Giấy biên nhận ngày 20/10/2009 và 10.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 30/6/2010.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và trình bày quan điểm giải quyết đối với vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, vắng mặt tại các phiên tòa không có lý do.

- Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận câu khởi kiện của bà Nguyễn Quỳnh H.
2. Tuyên bố giao dịch cho vay 7.500 USD giữa bà Nguyễn Quỳnh H và bà Vũ Thị Tú L ngày 01/10/2009 là vô hiệu. Buộc bà Vũ Thị Tú L có nghĩa vụ hoàn trả bà Nguyễn Quỳnh H 7.500 USD, nhưng tính theo giá trị tiền Việt Nam là 173.400.000 đồng.
3. Buộc bà Vũ Thị Tú L có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Quỳnh H tổng số tiền 72.880.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 30/6/2010, Giấy vay tiền ngày 01/12/2009 và Giấy biên nhận ngày 20/10/2009.
4. Về lãi suất chậm thi hành án: Đề nghị tuyên theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.
3. Về án phí:
 - Buộc bà Vũ Thị Tú L phải chịu 12.614.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
 - Hoàn trả bà Nguyễn Quỳnh H số tiền tạm ứng án phí 3.001.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.
4. Về quyền kháng cáo: Đề nghị tuyên quyền làm đơn kháng cáo của các đương sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án và pháp luật áp dụng:

Bà Nguyễn Quỳnh H khởi kiện bà Vũ Thị Tú L đòi tiền vay theo các giấy vay tiền và giấy biên nhận là quan hệ dân sự “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, các bên không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục Tòa án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thỏa thuận giữa các bên được ký kết năm 2009, 2010 nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[1.2]. Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, giải quyết vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Đối với yêu cầu của nguyên đơn:

+ Nguyên đơn xác định đã cho bị đơn vay tài sản 04 lần như sau: Ngày 01/10/2009 cho vay 7.500.000 USD, ngày 20/10/2009 cho vay 20.000.000 đồng, ngày 01/12/2009 cho vay 08 chỉ vàng 9999, ngày 30/6/2010 cho vay 10.000.000 đồng và xuất trình tài liệu chứng minh là các Giấy vay tiền và Giấy biên nhận có ghi

người vay và người ký vay là Vũ Thị Tú L, nguyên đơn xác định đây là khoản vay cá nhân giữa nguyên đơn và bị đơn, phía bị đơn không có quan điểm, ý kiến gì và không nộp tài liệu gì để phản đối yêu cầu của nguyên đơn, nên đủ căn cứ xác định việc vay tài sản của bị đơn đối với nguyên đơn như nêu trên là đúng.

+ Đối với giao dịch ngày 01/10/2009 cho vay 7.500.000 USD (Bảy nghìn năm trăm đô la Mỹ) là giao dịch bằng ngoại tệ. Theo mục 13 Điều 1 Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13 ngày 18/3/2013 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về sửa đổi bổ sung một số điều của Pháp lệnh ngoại hối quy định *“Trên lãnh thổ Việt Nam, mọi giao dịch, thanh toán, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng, thỏa thuận và các hình thức tương tự khác của người cư trú, người không cư trú không được thực hiện bằng ngoại hối, trừ các trường hợp được phép theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam”*. Vì vậy, giao dịch ngày 01/10/2009 giữa bà Hoa và bà Loan vi phạm điều cấm của pháp luật được quy định tại Điều 128 của BLDS năm 2005. Do vậy, giao dịch cho vay USD giữa bà Hoa và bà Loan ngày 01/10/2009 là vi phạm vào điều cấm của pháp luật. Căn cứ Điều 122, Điều 127, Điều 128 của Bộ luật Dân sự năm 2005, nên cần chấp nhận yêu cầu của bà Hoa, tuyên bố giao dịch cho vay ngoại tệ giữa bà Hoa với bà Loan ngày 01/10/2009 là giao dịch dân sự vô hiệu.

Theo quy định tại Điều 137 của Bộ luật Dân sự năm 2005 về giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu *“Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; nếu không hoàn trả được bằng hiện vật thì phải hoàn trả bằng tiền...”*. Việc các bên giao kết cho nhau vay bằng ngoại tệ vi phạm điều cấm của pháp luật nên không thể buộc bà Loan trả cho bà Hoa bằng Đô la Mỹ như đã nhận mà cần quy đổi thành tiền Việt Nam đồng tại thời điểm xét xử và buộc bà Loan trả bà Hoa theo yêu cầu của bà Hoa là phù hợp quy định tại Điều 137 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Theo Thông báo tỷ giá mua bán ngoại tệ của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh B II ngày 27/10/2020 (ngày xét xử sơ thẩm): Tỷ giá quy đổi từ đồng Đôla Mỹ sang Việt Nam đồng là 01 USD = 23.120.000 Việt Nam đồng. Vậy, bà Loan phải hoàn trả bà Hoa số tiền là: 7.500USD x 23.120.000 Việt Nam đồng = 173.400.000 Việt Nam đồng.

+ Đối với 08 chỉ vàng 9999 bà Hoa cho bà Loan vay ngày 01/12/2009. Tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2005 quy định *“..đến hạn trả, bên vay có nghĩa vụ phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng...”*. Tuy nhiên, tại khoản 4 Điều 19 Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng quy định *“Hành vi vi phạm trong hoạt động kinh doanh vàng gồm: ... sử dụng vàng làm phương tiện thanh toán...”*. Do đó,

08 chỉ vàng 9999 bà Hoa cho bà Loan vay cần buộc bà Loan có nghĩa vụ trả bà Hoa nhưng được quy đổi ra tiền Việt Nam đồng theo tính theo giá tại thời điểm xét xử. Theo Biên bản xác minh về giá vàng ngày 27/10/2020 tại Cửa hàng vàng Tuấn Vinh, đường Quang Trung, phường Trần Phú, thành phố B, tỷ giá vàng 9999 % (Vàng mười) bán thời điểm 11 giờ ngày 27/10/2020 là 5.360.000 đồng/01 chỉ. Do đó, 08 chỉ vàng 9999 tính thành tiền Việt Nam là 08 chỉ x 5.360.000 đồng = 42.880.000 đồng.

+ Đối với số tiền bà Hoa cho bà Loan vay 20.000.000 đồng ngày 20/10/2009 và 10.000.000 đồng ngày 30/6/2010, bà Hoa yêu cầu bà Loan trả số tiền này nên cần buộc bà Loan có nghĩa vụ trả bà Hoa số tiền trên là phù hợp với quy định Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

[2.2]. Về lãi suất chậm thi hành án: Do vắng mặt bị đơn nên áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tuyên lãi suất chậm thi hành án.

[2.3]. Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp và buộc bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 122, Điều 127, Điều 128, Điều 137, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng; Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13 ngày 18/3/2013 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về sửa đổi bổ sung một số điều của Pháp lệnh ngoại hối.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận cầu khởi kiện của bà Nguyễn Quỳnh H.

2. Tuyên bố giao dịch cho vay 7.500 USD giữa bà Nguyễn Quỳnh H và bà Vũ Thị Tú L ngày 01/10/2009 là vô hiệu. Buộc bà Vũ Thị Tú L có nghĩa vụ hoàn trả bà Nguyễn Quỳnh H 7.500 USD, nhưng tính theo giá trị tiền Việt Nam là 173.400.000 đồng.

3. Buộc bà Vũ Thị Tú L có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Quỳnh H tổng số tiền 72.880.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 30/6/2010, Giấy vay tiền ngày 01/12/2009

và Giấy biên nhận ngày 20/10/2009.

4. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

- Buộc bà Vũ Thị Tú L phải chịu 12.614.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn trả bà Nguyễn Quỳnh H số tiền tạm ứng án phí 3.001.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0001440 ngày 20/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. B;
- VKSND T. B
- VKS TP B,
- CCTHA dân sự TP.
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Mạnh T

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

